

Số: 372/CBTT-DMH

Huế, ngày 17 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337 Fax:
- Email: info@huegatex.com.vn Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2024:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/03/2025 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC;
- Văn bản giải trình số 371/CBTT - DMH ngày 17/03/2025

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Liên



Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023
	3300100628 (thay đổi lần thứ 8)	ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên

Ban Điều hành

Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2025)
Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2024)
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/8/2024)
Ông Đào Văn Tư	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Thuần	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương
Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Huế, ngày 12 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-04-00044-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		820.074.737.085	868.322.105.320
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	54.131.609.503	90.010.006.657
Tiền	111		22.131.609.503	22.510.006.657
Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	67.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.000.000.000	103.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	54.000.000.000	103.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		420.484.052.030	373.574.560.588
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	342.713.691.965	357.759.212.560
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	81.864.946.988	19.152.823.988
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.371.064.588	2.959.308.100
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(6.465.651.511)	(6.296.784.060)
Hàng tồn kho	140	10	281.198.213.226	288.913.027.179
Hàng tồn kho	141		282.835.626.731	293.972.626.123
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.637.413.505)	(5.059.598.944)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.260.862.326	12.824.510.896
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.252.049.724	3.170.104.377
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.008.812.602	9.170.589.005
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	483.817.514

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		316.780.688.703	337.818.532.796
Các khoản phải thu dài hạn	210		921.021.869	-
Phải thu dài hạn khác	216		921.021.869	-
Tài sản cố định	220		294.738.185.304	307.618.429.616
Tài sản cố định hữu hình	221	11	294.291.082.396	306.705.227.148
Nguyên giá	222		1.098.863.292.898	1.084.968.298.891
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(804.572.210.502)	(778.263.071.743)
Tài sản cố định vô hình	227	12	447.102.908	913.202.468
Nguyên giá	228		3.500.399.579	3.500.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.053.296.671)	(2.587.197.111)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.139.366.296	509.565.865
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.139.366.296	509.565.865
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	10.018.455.897	9.976.790.634
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.184.054.682	10.744.494.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.165.598.785)	(767.704.048)
Tài sản dài hạn khác	260		9.963.659.337	19.713.746.681
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.372.269.724	18.413.151.459
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	2.591.389.613	1.300.595.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.136.855.425.788	1.206.140.638.116

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		723.521.721.545	831.167.129.373
Nợ ngắn hạn	310		642.644.197.776	722.181.512.678
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	59.544.642.236	91.519.247.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		843.395.771	2.825.534.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	15.250.355.454	13.369.892.319
Phải trả người lao động	314		130.995.787.288	102.848.448.325
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.475.187.994	3.591.425.205
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	41.792.117.252	63.871.471.203
Vay ngắn hạn	320	19(a)	351.451.313.141	410.995.267.045
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	40.291.398.640	33.160.226.495
Nợ dài hạn	330		80.877.523.769	108.985.616.695
Vay dài hạn	338	19(b)	80.877.523.769	108.985.616.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		413.333.704.243	374.973.508.743
Vốn chủ sở hữu	410	21	413.333.704.243	374.973.508.743
Vốn cổ phần	411	22	200.962.590.000	200.962.590.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	127.478.956.722	107.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.892.157.521	66.531.962.021
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		35.777.869.876	31.321.644.473
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		49.114.287.645	35.210.317.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.136.855.425.788	1.206.140.638.116

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.953.400.922.993	1.842.265.322.528
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.694.683.303.439	1.603.526.014.992
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		258.717.619.554	238.739.307.536
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	43.373.998.648	35.399.283.250
Chi phí tài chính	22	29	41.543.868.735	38.330.194.778
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.070.917.575	20.305.411.494
Chi phí bán hàng	25	30	63.512.490.059	54.871.896.752
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	63.188.738.234	61.445.947.989
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		133.846.521.174	119.490.551.267
Thu nhập khác	31	32	13.296.554.936	6.460.673.913
Chi phí khác	32		9.811.148.085	4.789.152.426
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.485.406.851	1.671.521.487
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		137.331.928.025	121.162.072.754
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	29.219.657.771	20.008.328.222
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(1.290.794.391)	5.654.649.984
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		109.403.064.645	95.499.094.548
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.831	4.222

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		137.331.928.025	121.162.072.754
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		59.215.300.481	65.257.277.958
Các khoản dự phòng	03		(2.855.423.251)	(33.369.014.514)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.113.610.291	(86.691.694)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.693.490.011)	(11.005.911.756)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(570.274.914)	-
Chi phí lãi vay	06		17.070.917.575	20.305.411.494
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		205.612.568.196	162.263.144.242
Biến động các khoản phải thu	09		(7.651.772.462)	(153.072.160.769)
Biến động hàng tồn kho	10		11.136.999.392	160.383.761.943
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(10.670.272.747)	(39.396.237.461)
Biến động chi phí trả trước	12		10.958.936.388	4.317.538.812
			209.386.458.767	134.496.046.767
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.224.619.748)	(19.961.849.585)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.767.278.986)	(20.309.043.953)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.380.000	12.220.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.624.300.000)	(6.837.611.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		159.771.640.033	87.399.762.229
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(79.051.903.306)	(67.480.121.444)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		570.274.914	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(32.000.000.000)	(66.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		81.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(4.033.660.000)
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		6.487.803.984	10.659.515.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.993.824.408)	(121.854.265.484)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.276.749.658.115	1.022.651.301.962
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.368.562.050.760)	(937.285.960.782)
Tiền trả cổ tức	36		(80.873.696.535)	(60.920.522.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(172.686.089.180)	24.444.818.822
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(35.908.273.555)	(10.009.684.433)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		90.010.006.657	100.028.543.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.876.401	(8.852.254)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	54.131.609.503	90.010.006.657

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Hồng Liên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 4.249 nhân viên (1/1/2024: 4.431 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.550.244.068.909	1.516.774.563.068	92.687.767.548	81.418.194.294	238.597.030.852	215.366.308.455	71.872.055.684	28.706.256.711	1.953.400.922.993	1.842.265.322.528
Kết quả kinh doanh của bộ phận	212.849.730.257	222.735.202.603	9.687.692.048	(5.017.952.789)	24.064.841.530	15.516.280.423	12.115.355.719	5.505.777.299	258.717.619.554	238.739.307.536

Thu nhập không phân bổ	43.373.998.648	35.399.283.250
Chi phí không phân bổ	(168.245.097.028)	(154.648.039.519)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	133.846.521.174	119.490.551.267
Thu nhập khác	13.296.554.936	6.460.673.913
Chi phí khác	(9.811.148.085)	(4.789.152.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(27.928.863.380)	(25.662.978.206)
Lợi nhuận thuần sau thuế	109.403.064.645	95.499.094.548



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	299.534.100.575	304.253.864.059	11.975.539.765	26.237.914.512	31.204.051.625	16.819.103.207	-	10.448.330.782	342.713.691.965	357.759.212.560
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ										
Tổng tài sản									794.141.733.823	848.381.425.556
									1.136.855.425.788	1.206.140.638.116
Các khoản nợ không phân bổ									723.521.721.545	831.167.129.373
Tổng nợ phải trả									723.521.721.545	831.167.129.373
									2024	2023
									VND	VND
Chỉ tiêu vốn									79.051.903.306	67.480.121.444
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									58.749.200.921	65.119.858.907
Khấu hao tài sản cố định vô hình									466.099.560	137.419.051

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	292.925.060	195.229.075
Tiền gửi ngân hàng	21.838.684.443	22.314.777.582
Các khoản tương đương tiền	32.000.000.000	67.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	54.131.609.503	90.010.006.657

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 1,9 % đến 3,5% (1/1/2024: từ 2,1% đến 3,2%).

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 2,9% đến 4,4% (1/1/2024: từ 3,4% đến 5,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		1/1/2024			
Đơn vị	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	7.495.524.000	-
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hung Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(383.475.461)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	90.970.682	-
				10.744.494.682	(767.704.048)

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/1/2024

Đơn vị	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(781.370.198)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	191.150.682	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	Thành phố Huế, Việt Nam	0,70	0,70	248.770.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	Thành phố Huế, Việt Nam	0,24	0,24	90.610.000	-	(*)
				11.184.054.682	(1.165.598.785)	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chi theo dõi số lượng bao gồm:

	31/12/2024	1/1/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	333.840
Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt	11.914	21.932
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	4.367	13.428
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	7.358	32.235

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Aurora Investments Global	231.128.897.052	257.955.237.945
Kam Hing Textile Macao Commercial Offshore Co., Ltd	15.346.810.875	12.043.079.350
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co.,Ltd.	14.345.075.172	4.831.356.298
Công ty TNHH Fashion Garments 2	12.649.037.959	578.131.746
Singtex Pte., Ltd	12.361.155.203	-
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	5.056.389.525	16.129.260.302
Các khách hàng khác	51.826.326.179	66.222.146.919
	342.713.691.965	357.759.212.560

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	300.640.405	19.289.544
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	12.661.994	14.320.114
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	7.644.535	5.026.026
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	63.555.840	62.714.960
	384.502.774	101.350.644

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**Trả trước người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Hiệp Thành	28.054.182.780	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	18.714.000.000	-
DEVCO S.A.S	10.968.370.834	-
Allenberg Cotton Co.	6.973.790.052	109.433.710
Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp	-	9.818.820.000
Các nhà cung cấp khác	17.154.603.322	9.224.570.278
	81.864.946.988	19.152.823.988

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ quá hạn

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ								
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.541.936.609	(2.541.936.609)	-	Trên 3 năm	2.424.055.822	(2.424.055.822)	-
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	706.952.247	(706.952.247)	-	Trên 3 năm	674.167.760	(674.167.760)	-
Taijiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	392.504.827	(392.504.827)	-	Trên 3 năm	374.302.650	(374.302.650)	-
		6.465.651.511	(6.465.651.511)	-		6.296.784.060	(6.296.784.060)	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.465.651.511)				(6.296.784.060)	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.454.457.493	-	59.817.064.031	-
Nguyên vật liệu	144.224.348.628	(1.582.986.512)	97.783.554.793	(586.955.067)
Công cụ và dụng cụ	39.741.704	-	53.315.367	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.560.865.176	-	92.214.725.204	(2.439.398.759)
Thành phẩm	28.951.671.934	(54.426.993)	33.882.365.770	(2.033.245.118)
Hàng gửi đi bán	34.604.541.796	-	10.221.600.958	-
	282.835.626.731	(1.637.413.505)	293.972.626.123	(5.059.598.944)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2024: 140.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	301.981.869.375	736.946.189.900	25.676.179.678	10.895.830.828	9.468.229.110	1.084.968.298.891
Tăng trong năm	-	404.185.452	-	185.350.000	-	589.535.452
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.805.267.667	40.613.049.568	1.181.503.482	145.700.000	-	45.745.520.717
Thanh lý	(12.610.454.908)	(17.726.149.654)	(1.205.075.409)	(898.382.191)	-	(32.440.062.162)
Số dư cuối năm	293.176.682.134	760.237.275.266	25.552.607.751	10.328.498.637	9.468.229.110	1.098.863.292.898
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	185.458.027.744	561.679.305.860	18.727.068.317	9.620.974.478	2.777.695.344	778.263.071.743
Khấu hao trong năm	15.538.172.087	39.432.219.674	1.515.355.118	625.044.880	1.638.409.162	58.749.200.921
Thanh lý	(12.610.454.908)	(17.726.149.654)	(1.205.075.409)	(898.382.191)	-	(32.440.062.162)
Số dư cuối năm	188.385.744.923	583.385.375.880	19.037.348.026	9.347.637.167	4.416.104.506	804.572.210.502
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	116.523.841.631	175.266.884.040	6.949.111.361	1.274.856.350	6.690.533.766	306.705.227.148
Số dư cuối năm	104.790.937.211	176.851.899.386	6.615.259.725	980.861.470	5.052.124.604	294.291.082.396

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 582.145 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 526.733 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 120.558 triệu VND (1/1/2024: 147.496 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	3.500.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.587.197.111
Khấu hao trong năm	466.099.560
Số dư cuối năm	3.053.296.671
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	913.202.468
Số dư cuối năm	447.102.908

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.381 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 2.381 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	509.565.865	37.575.168.913
Tăng trong năm	46.375.321.148	31.387.579.196
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.745.520.717)	(67.637.018.475)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(816.163.769)
Số dư cuối năm	1.139.366.296	509.565.865

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	18.413.151.459
Tăng trong năm	2.145.900.840
Phân bổ trong năm	(13.186.782.575)
Số dư cuối năm	7.372.269.724

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Doanh thu bán hàng	20%	2.591.389.613	695.324.457
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	-	605.270.765
		2.591.389.613	1.300.595.222

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	6.485.055.874	10.037.591.184
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	6.253.704.917	10.484.534.915
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	29.824.200	10.994.400
Stonex Switzerland Sa	-	13.971.237.312
Cam Négoce, Division Coton	-	8.151.917.612
Các nhà cung cấp khác	46.776.057.245	48.862.972.316
	59.544.642.236	91.519.247.739

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn chưa thanh toán.

b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	70.377.041	-
Tổng Công Ty Cổ Phần Dệt May Hoà Thọ	62.985.600	399.629.121
	133.362.641	399.629.121

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	602.632.269	43.804.637.817	(43.300.119.000)	1.107.151.086
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.404.844.460	(2.404.844.460)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.613.241.168	29.219.657.771	(28.767.278.986)	13.065.619.953
Thuế thu nhập cá nhân	141.976.339	5.359.211.790	(4.424.539.074)	1.076.649.055
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.384.586.966	(1.384.586.966)	-
Các loại thuế và phí khác	12.042.543	824.540.273	(835.647.456)	935.360
	13.369.892.319	82.997.479.077	(81.117.015.942)	15.250.355.454

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Kinh phí công đoàn	527.259.821	1.464.595.389
Lãi vay ngân hàng	849.909.936	1.003.612.109
Cổ tức phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	24.460.244.000	36.690.366.000
Cổ tức phải trả - Bên thứ 3	15.335.994.372	23.690.791.907
Các khoản phải trả khác	618.709.123	1.022.105.798
	41.792.117.252	63.871.471.203

(*) Cổ tức phải trả bao gồm khoản tạm ứng cổ tức lần 2 và đã được chi trả vào ngày 17 tháng 2 năm 2025.



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm			31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay ngắn hạn	1.276.749.658.115	(1.338.203.776.168)	1.575.688.920	319.738.723.362
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	30.653.847.035	(30.358.274.592)	38.902.786	31.712.589.779
	410.995.267.045	(1.368.562.050.760)	1.614.591.706	351.451.313.141

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,7% - 3,8%	105.413.892.666	28.155.524.959
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2% - 4,6%	118.346.475.361	79.356.260.326
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,2% - 4,3%	23.659.234.622	77.926.160.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,8% - 3,7%	17.473.758.430	61.260.716.649
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,8% - 2,9%	-	91.844.338.133
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3% - 3,55%	54.845.362.283	41.074.151.526
			319.738.723.362	379.617.152.495

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn	112.590.113.548	140.363.731.245
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(31.712.589.779)	(31.378.114.550)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	80.877.523.769	108.985.616.695

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2% - 9,7%	2026	7.959.079.870	13.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	4,5% – 5,8%	2025	23.200.000.000	46.400.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	81.431.033.678	80.004.651.375
				112.590.113.548	140.363.731.245

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.186.999,87 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 3.357.096 USD), có hạn mức là 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	33.160.226.495	25.216.788.379
Trích lập trong năm	10.754.092.145	14.768.829.116
Tăng khác	1.380.000	12.220.000
Sử dụng trong năm	(3.624.300.000)	(6.837.611.000)
Số dư cuối năm	40.291.398.640	33.160.226.495

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023- đã điều chỉnh lại	152.247.010.000	102.478.956.722	160.704.857.589	415.430.824.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	95.499.094.548	95.499.094.548
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(14.768.829.116)	(14.768.829.116)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23)	48.715.580.000	-	(48.715.580.000)	-
Cổ tức bằng tiền – (Thuyết minh 23)	-	-	(121.191.044.200)	(121.191.044.200)
Biến động khác	-	-	3.463.200	3.463.200
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	200.962.590.000	107.478.956.722	66.531.962.021	374.973.508.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.403.064.645	109.403.064.645
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(10.754.092.145)	(10.754.092.145)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(60.288.777.000)	(60.288.777.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	200.962.590.000	127.478.956.722	84.892.157.521	413.333.704.243

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Công ty) và Thông báo số 125/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Công ty. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

	1/1/2023 (theo báo cáo trước đây) VND	(điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước) VND	1/1/2023 (đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153.186.318.981	7.518.538.608	160.704.857.589

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	4.871.558	48.715.580.000
Số dư cuối năm	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2024		1/1/2024		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	12.230.122	60,86	122.301.220.000
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	1.710.635	8,51	17.106.350.000
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	6.155.502	30,63	61.555.020.000
	20.096.259	100,00	20.096.259	100,00	200.962.590.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Cổ tức**

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 và ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 606/NQ-HĐQT và 1199/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 20.096 triệu VND và 40.192 triệu VND (tương đương với tỷ lệ chia 10%/vốn điều lệ và 20%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Khoản tạm ứng cổ tức này đã được thanh toán vào ngày 25 tháng 7 năm 2024 và 17 tháng 2 năm 2025 (2023: chia và tạm ứng cổ tức trị giá 169.907 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 và năm 2023, trong đó 48.716 triệu VND bằng cổ phiếu và 121.191 triệu VND bằng tiền).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 (2023: 5.000 triệu VND). Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	622.945	15.752.796.990	833.819	20.099.845.064
EUR	4	114.377	15	403.463
		<u>15.752.911.367</u>		<u>20.100.248.527</u>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2024 Sản phẩm	1/1/2024 Sản phẩm
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	6.027	4.032
	<u>6.027</u>	<u>4.032</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	135.210.412.798	312.827.317.600
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	182.277.772.248	69.586.310.000
	<hr/> 317.488.185.046	<hr/> 382.413.627.600

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.920.172.925.604	1.813.062.887.951
Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	33.172.891.640	29.152.177.943
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	55.105.749	50.256.634
	<hr/> 1.953.400.922.993	<hr/> 1.842.265.322.528

27. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm	1.666.809.486.475	1.598.127.071.499
Hàng hoá và phế liệu đã bán	31.296.002.403	39.029.401.436
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.422.185.439)	(33.630.457.943)
	<hr/> 1.694.683.303.439	<hr/> 1.603.526.014.992

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	4.318.570.011	8.063.748.323
Cổ tức	2.374.920.000	2.942.163.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.680.508.637	23.709.438.950
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	86.691.694
Doanh thu tài chính khác	-	597.240.850
	43.373.998.648	35.399.283.250

29. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	17.070.917.575	20.305.411.494
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	397.894.737	164.824.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.961.446.132	17.803.945.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.113.610.291	-
Chi phí tài chính khác	-	56.013.634
	41.543.868.735	38.330.194.778

30. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Phí giám sát đơn hàng	17.857.505.440	16.077.059.475
Phí xử lý hàng ở cảng	1.145.763.877	1.779.770.761
Chi phí vận chuyển	32.660.395.033	26.656.319.228
Chi phí hoa hồng môi giới	7.838.297.958	7.592.560.905
Chi phí khấu hao	106.413.396	128.119.904
Chi phí bán hàng khác	3.904.114.355	2.638.066.479
	63.512.490.059	54.871.896.752

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	28.719.053.110	29.376.240.037
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	168.867.451	96.619.293
Chi phí khấu hao	895.086.665	2.783.189.683
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	2.798.909.015	2.407.068.139
Thuế, phí và lệ phí	5.665.205.238	5.595.252.102
Chi phí điện, nước	3.276.608.933	3.827.019.426
Chi phí ăn ca	1.803.021.430	2.162.110.194
Chi phí thuê đất	1.638.085.142	645.090.023
Công cụ, dụng cụ	2.722.077.408	3.494.170.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.501.823.842	11.059.188.230
	63.188.738.234	61.445.947.989

32. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	2.615.415.554	2.623.545.465
Xóa sổ các khoản phải trả	-	1.587.470.886
Lãi do thanh lý tài sản cố định	570.274.914	-
Thu nhập từ nguyên, phụ liệu gia công dư thừa kém phẩm chất	6.559.598.075	-
Các khoản khác	3.551.266.393	2.249.657.562
	13.296.554.936	6.460.673.913

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.023.777.541.950	862.867.413.400
Chi phí nhân công	524.745.098.016	496.927.661.320
Chi phí khấu hao	59.215.300.481	65.257.277.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.145.673.479	153.729.448.929
Chi phí khác	52.299.304.780	30.358.615.318

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	28.502.161.449	19.897.364.919
Dự phòng thiếu trong những năm trước	717.496.322	110.963.303
	29.219.657.771	20.008.328.222
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(1.290.794.391)	5.654.649.984
	27.928.863.380	25.662.978.206

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.331.928.025	121.162.072.754
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.466.385.605	24.232.414.551
Chi phí không được khấu trừ thuế	329.813.782	1.079.779.439
Thu nhập không bị tính thuế	(474.984.000)	(588.432.687)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	(109.848.329)	828.253.600
Dự phòng thiếu trong những năm trước	717.496.322	110.963.303
	27.928.863.380	25.662.978.206

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	109.403.064.645	95.499.094.548
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(12.319.809.352)	(10.657.833.145)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	97.083.255.293	84.841.261.403

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2024 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2024.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2023 (Thuyết minh 21) lớn hơn số phân bổ dự kiến khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023. Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023.

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	20.096.259	15.224.701
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm nay (Thuyết minh 22)	-	4.871.558
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	20.096.259	20.096.259

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024	2023
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	97.083.255.293	84.841.261.403
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (số cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.831	4.222

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	375.980.474	146.155.828
Trả cổ tức bằng tiền	48.920.488.000	37.060.976.000
Tạm ứng cổ tức	24.460.244.000	36.690.366.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	29.648.780.000
Thanh toán gốc vay	23.200.000.000	23.200.000.000
Thanh toán gốc khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	2.342.548.150	1.935.519.047
Lãi vay	7.615.882.027	9.756.742.807
Lãi và phí của khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	5.817.103.395	5.554.015.135
<i>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</i>		
Bán hàng hóa	410.580.926	356.931.830
Mua dịch vụ	119.269.695	105.246.437
Các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	68.471.316	71.670.515
Mua dịch vụ	117.007.077	62.721.064
<i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Bán hàng hóa	408.316.749	301.643.880
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Mua hàng hóa	-	-
Mua máy móc	-	2.490.736.364
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	529.988.897	587.456.914
Mua hàng hóa	83.062.171	60.917.993
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	-	12.431.972
Mua hàng hóa	-	157.219.900
<i>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	238.386.633	148.305.876
Mua hàng hóa và dịch vụ	99.420.715	59.415.400
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Mua hàng hóa	2.527.358.720	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	420.000.000	420.000.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	84.000.000	78.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	84.000.000	78.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	84.000.000	63.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	84.000.000	63.000.000
Ông Nguyễn Bá Quang – Thành viên		
(đến ngày 26/4/2023)	-	140.000.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên (đến ngày 26/4/2023)	-	20.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc	1.541.564.000	1.448.850.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	783.402.602	1.037.570.715
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	987.000.986	851.514.346
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc	1.007.154.381	902.116.946
Bà Nguyễn Hồng Liên – Phó Tổng giám đốc		
(đến ngày 31/12/2024)	977.110.409	867.062.439
Ông Đào Văn Tư – Giám đốc điều hành	838.262.695	752.736.799
Bà Trần Thị Thuần – Giám đốc điều hành	840.262.695	720.975.799
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	895.611.019	788.950.615
Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán trưởng	753.191.822	737.417.261
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	316.367.798	305.636.261
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	80.100.000	98.650.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	524.712.347	511.060.699
Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt		
	2024	2023
	VND	VND
Trả cổ tức bằng tiền	1.290.004.000	1.215.812.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	972.610.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		- 48.715.580.000
Tăng khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thông qua cổ tức bằng cổ phiếu được chia từ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài năm 2016 (điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Bộ Tài chính)	439.560.000	-

38. Thông tin so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

